

Bản án số: 285/2023/DS-PT

Ngày: 14/3/2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Kim

Bà Lê Thị Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2022/DS - ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2023/QĐPT- DS ngày 31/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 1571/2023/QĐ-PT ngày 16/ 02 /2023; Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Bá S, sinh năm: 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số 15, đường số 2, khu dân cư H.Đ, đường H.N, xã T.K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trương Huỳnh L, sinh năm: 1948 (có mặt).

Địa chỉ: A12/359, Ấp 1, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông L: Luật sư Vũ Hữu Thiên A thuộc Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị M, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số 15, Đường số 2, khu dân cư H.B, đường H.N, xã T.K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Hà Thị C1, sinh năm: 1952 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: A12/359, Ấp 1, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đặng Bá S trình bày:*

Ông có thửa đất số 724, tờ bản đồ số 83, diện tích 491m², tọa lạc xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số BB073427, vào sổ cấp GCN số: CH 00190 cho ông và vợ ông là bà Lê Thị M vào ngày 22/3/2010, loại đất trồng cây ăn quả lâu năm.

Nguồn gốc thửa đất là ông mua lại của bà Hồ Thị Hải L theo giấy CNQSDĐ cũ số AC 834063 được cấp ngày 23/01/2006 cũng do Ủy ban nhân dân huyện C cấp. Thời điểm ông mua đất của bà L, ông có đo đạc thực tế đủ diện tích và có cắm cọc xác định ranh đất. Nhưng kể từ khi mua đất cho đến nay, thì ông Trương Huỳnh L là chủ đất giáp ranh với phần đất của ông phản đối không cho ông sử dụng diện tích đất khoảng 245m², diện tích này nằm trong phần đất mà ông và vợ ông đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước sự việc trên, ông đã nhiều lần làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P.P giải quyết nhưng hai bên vẫn không thỏa thuận được.

Qua đo đạc thực tế thì diện tích cụ thể mà ông yêu cầu như sau:

Nay ông yêu cầu Tòa buộc ông Trương Huỳnh L và vợ ông L là bà Hà Thị C1 trả lại cho ông diện tích 213,4 m² thuộc thửa phân chiết 724-1 (vị trí cụ thể phần đất này được đánh số ký hiệu là (2), (4), tờ bản đồ số 83, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu năm 2006) theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022.

** Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trương Huỳnh L trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Phần đất nông nghiệp hiện ông đang trực tiếp canh tác từ năm 1963 cho đến nay, đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy Chứng

nhận số 262 ngày 15/03/1993, thửa 361, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào năm 2001, ông đồng ý hiến đất thuộc một phần thửa 361 mở đường đất 6m. Đến năm 2002, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có con đường cắt đôi những thửa đất mà con đường đã đi qua trong đó có thửa 360 do ông Trần Văn Vũ đứng chủ quyền đồng thời ông Vũ chuyển nhượng toàn bộ thửa 360 cho bà Hồ Thị Hải L. Đến năm 2003, bà L tách thửa 360 với diện tích 491m². Đến năm 2004, Nhà nước thi công con đường nhưng lí do kỹ thuật con đường bị lệch rất xa theo tài liệu ban đầu. Đến năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho bà L là 491m², tiếp theo tài liệu 1991, chuyển qua tài liệu 2005 lúc này con đường là 9m. Nhận thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 491m² thuộc thửa 360 mà bà L cấp giấy chứng nhận vô tình biến đổi 02 lần từ đó đã thay đổi diện tích. Nhưng năm 2007, bà L chuyển nhượng cho ông S mà không đo đạc lại cứ căn cứ vào giấy tờ để nói là mất đất thì không đúng thực tế. Năm 2008, ông S cắm cột ranh trên phần đất của ông thuộc thửa 361. Ông đã báo Ủy ban nhân dân xã P.P để có hướng giải quyết. Ngày 07/07/2008 UBND xã mời các bên lên giải quyết, bà L cùng chồng không lên nên Ủy ban nhân dân xã lập biên bản hòa giải không thành.

Nay ông S yêu cầu ông và vợ ông L là bà Hà Thị C1 trả lại cho ông S diện tích 213,4 m² thuộc thửa phân chiết 724-1 (vị trí cụ thể phần đất này được đánh số ký hiệu là (2), (4), tờ bản đồ số 83, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu năm 2006) theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022 thì ông không đồng ý vì vợ chồng ông không có lần qua ranh đất của ông S.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M trình bày:* Bà là vợ của ông Đặng Bá S. Bà thống nhất với lời trình bày cũng như yêu cầu của chồng bà là ông Đặng Bá S.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị C1 trình bày:* Bà là vợ của ông Trương Huỳnh L. Bà có ý kiến và yêu cầu giống như bản tự khai của ông L trình bày vào ngày 25/4/2019, ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Toà án nhân dân Huyện C đã tiến hành hoà giải, nhưng các bên không thống nhất được cách giải quyết toàn bộ vụ án, nên đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2022/DS - ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Bá S đối với ông Trương Huỳnh L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc ông Trương Huỳnh L và bà Hà Thị C1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Đặng Bá S phần đất có diện tích 213,4m² thuộc một phần thửa 724 (vị trí cụ thể phần đất này được đánh số ký hiệu là (2), (4) thửa phân chiết 724-1), tờ bản đồ số 83, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu năm 2006) theo Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022.

Các đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/5/2022, bị đơn ông Trương Huỳnh L nộp đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên Tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn ông Đặng Bá S không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Trương Huỳnh L không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Trương Huỳnh L là luật sư Vũ Hữu Thiên A thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S bởi vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 491m² thuộc thửa 360 mà bà L cấp giấy chứng nhận biến đổi 02 lần từ đó đã thay đổi diện tích, bà L chuyển nhượng cho ông S mà không đo đạc lại cứ căn cứ vào giấy tờ để nói là mất đất thì không đúng thực tế.

Nay ông S yêu cầu ông và vợ ông L là bà Hà Thị C1 trả lại cho ông S diện tích 213,4m² thuộc thửa phân chiết 724-1 (vị trí cụ thể phần đất này được đánh số ký hiệu là (2), (4), tờ bản đồ số 83, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu năm 2006) theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022 là không đúng vì phía ông L không có lần qua ranh đất của ông S, Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ, các bản vẽ chưa áp ranh cụ thể về diện

tích đất, có sự chồng lấn ranh.... do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại thì mới đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:*

1. Về tố tụng:

Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2022/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện C được tuyên ngày 20/5/2022. Ngày 26/5/2022, bị đơn ông Trương Huỳnh L nộp đơn kháng cáo đối với bản án trên theo thủ tục phúc thẩm. Căn cứ Điều 272, khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và hợp lệ.

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, yêu cầu kháng cáo của bị đơn xét thấy:

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022 thì phần đất tranh chấp ở vị trí (2), (4) có diện tích 213,4m² thuộc một phần thửa 724 (thửa phân chiết 724-1), tờ bản đồ số 83, xã P.P, huyện C (theo tài liệu năm 2006).

Căn cứ Công văn số 435/UBND ngày 18/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã P.P, huyện C trả lời xác minh quá trình đăng ký kê khai sử dụng đất thửa 724, tờ bản đồ 83 (tài liệu bộ địa chính năm 2006) thì:

+ Về vị trí: Thửa 724 (số thửa gốc thuộc một phần thửa 26), tờ bản đồ số 83 (BĐĐC); tương đương một phần thửa 229, tờ bản đồ số 03 (theo tài liệu 299/TTg); tương ứng thửa đất 1816 (số thửa gốc thuộc một phần thửa 360), tờ bản đồ số 3 (tài liệu chỉnh lý 1992).

+ Về quá trình kê khai, đăng ký sử dụng:

- Theo tài liệu 299/TTg: Thửa 229, tờ bản đồ số 03, bộ địa chính xã P.P ghi nhận diện tích 9.600m², loại đất mùa do bà Huỳnh Thị G kê khai được lưu trữ

trong sổ đăng ký ruộng đất tại xã P.P quyền số 01, trang 139, số thứ tự 0018, vắn G.

- Theo tài liệu chỉnh lý 1992: Thửa 360, tờ bản đồ 3, theo sổ mục kê ghi nhận ông Trần Văn V kê khai trong thửa diện tích 9.472m², loại đất lúa, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C266419 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/12/1996; Thửa 1816 (tách từ một phần thửa 360), tờ bản đồ 03, diện tích 494m², loại đất LNQ - Đất trồng cây ăn quả lâu năm, được cấp giấy chứng nhận cho bà Hồ Thị Hải L theo giấy chứng nhận số H00377/7013905 ngày 23/01/2006.

- Theo tài liệu bản đồ địa chính: Thửa 724 tờ bản đồ 83, bộ địa chính xã P.P đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Đặng Bá S và bà Lê Thị M theo Giấy chứng nhận số CH00190 ngày 22/03/2010. Thửa đất số 26 (số thửa gốc) theo sổ đã ngoại thể hiện, chủ sử dụng được ghi nhận ngoài thực địa tại thời điểm lập bản đồ là ông Đỗ Văn C2 đăng ký diện tích 1.764,1m² loại đất 1L.

Như vậy, có cơ sở xác định phần đất có diện tích 213,4m² mà nguyên đơn ông S yêu cầu vợ chồng ông L (bị đơn) trả lại nằm trong tổng diện tích 491m², thuộc thửa 724, tờ bản đồ 83 được (tương ứng một phần thửa 360, tờ bản đồ 03) được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đặng Bá S và bà Lê Thị M theo Giấy chứng nhận số CH00190 ngày 22/3/2010. Việc ông L cho rằng phần đất diện tích 213.4m² là thuộc thửa 361, tờ bản đồ 03 mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho gia đình ông là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S buộc vợ chồng ông L phải trả lại phần diện tích 213.4m² thuộc thửa phân chiết 724-1 (vị trí (2), (4) tờ bản đồ 83, xã P.P, huyện C) theo bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022 là có căn cứ.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Tòa án sơ thẩm đã tuyên đúng quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Huỳnh L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 176/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Về án phí dân sự phúc thẩm bị đơn được miễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Huỳnh L đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Bị đơn ông Trương Huỳnh L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 176/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không công nhận phần diện tích đất thuộc một phần thửa 361 (213,4m²) thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Xét kháng cáo của bị đơn ông Trương Huỳnh L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Đặng Bá S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Huỳnh L và vợ ông L là bà Hà Thị C1 trả lại cho ông diện tích 213,4m² thuộc thửa phân chiết 724-1 (vị trí cụ thể phần đất này được đánh số ký hiệu là (2), (4), tờ bản đồ số 83, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu năm 2006) theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022, đo đạc theo sự hướng dẫn ranh của ông Đặng Bá S và ông Trương Huỳnh L thì phần đất tranh chấp ở vị trí có ký hiệu số (2), (4), có diện tích 213,4 m² thuộc một phần thửa 724 (thửa phân chiết 724-1), tờ bản đồ số 83, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu năm 2006).

[3.2] Theo Công văn số: 435/UBND ngày 18/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã P.P, huyện C trả lời xác minh của Tòa án về nguồn gốc, quá trình đăng ký, kê khai và sử dụng đất thuộc thửa 724, tờ bản đồ số 83 (tài liệu năm 2006) thì:

- Theo tài liệu 299/TTg: Thuộc thửa 356, tờ bản đồ số 03, Bộ địa chính xã P.P, diện tích 9.600m², loại đất mùa do bà Huỳnh Thị G kê khai.

- Theo tài liệu chính lý năm 1992: Thuộc thửa 360, tờ bản đồ số 03, theo sổ mục kê ghi nhận do ông Trần Văn Vũ kê khai trọn thửa diện tích 9.472m², loại đất Lúa, đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất. Thửa 1816 (tách từ một phần thửa 360), tờ bản đồ số 03, diện tích 491 m², loại đất LNQ, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị Hải L, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00377/7013905 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23/01/2006.

- Theo tài liệu bản đồ địa chính là thửa 724, tờ bản đồ số 83, Bộ địa chính xã P.P, diện tích 491m², đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00190 cho ông Đặng Bá S và bà Lê Thị M vào ngày 22/3/2010.

[3.3] Xét thấy, diện tích 213,4m² đất mà ông S yêu cầu vợ chồng ông L trả lại nằm trong tổng diện tích 491,0m², thuộc thửa 724, tờ bản đồ số 83, mục đích sử dụng: Đất trồng cây ăn quả lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đặng Bá S và bà Lê Thị M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 073427 (số vào sổ: CH 00190) ngày 22/3/2010. Do đó, ông S yêu cầu ông L và vợ ông L là bà Hà Thị C1 trả lại cho ông S diện tích 213,4m² thuộc thửa phân chiết 724-1 (vị trí cụ thể phần đất này được đánh số ký hiệu là (2), (4), tờ bản đồ số 83, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu năm 2006) theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022 là có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Đối với ý kiến của bị đơn ông Trương Huỳnh L cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Hồ Thị Hải L với diện tích 491m² đã bị biến động 02 lần do nhà nước mở rộng con đường 02 lần nên dẫn đến diện tích thực tế của bà L bị thay đổi so với diện tích trong Giấy chứng nhận. Mặt khác, thời điểm ông Đặng Bá S mua trọn thửa đất của bà Hồ Thị Hải L thì ông S không đo đạc lại mà ông S chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L, đến sau này, ông S phát hiện bị thiếu đất, ông S kiện ông yêu cầu ông và vợ ông L là bà Hà Thị C1 trả lại cho ông S diện tích 213,4 m² thuộc thửa phân chiết 724-1 (vị trí cụ thể phần đất này được đánh số ký hiệu là (2), (4), tờ bản đồ số 83, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu năm 2006) theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022 thì ông không đồng ý vì vợ chồng ông không có lần qua ranh của ông S. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía ông L không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh cho ý kiến của mình. Do đó, ý kiến mà ông L đưa ra, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để xem

xét. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông ông Đặng Bá S.

[3.5] Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm xác định bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; đồng thời căn cứ Luật người cao tuổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xem xét miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Trương Huỳnh L và bà Hà Thị C1 là đúng quy định pháp luật. Về chi phí đo vẽ, định giá là 14.999.000 (mười bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn) đồng, ông Đặng Bá S đã nộp xong cho các cơ quan đo vẽ, định giá. Ông S tự nguyện chịu chi phí đo vẽ, định giá này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Từ những nhận định trên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Bá S.

[4] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan và phán quyết có căn cứ đúng pháp luật. Bị đơn ông Trương Huỳnh L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 176/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nhưng trong quá trình xét xử tại cấp phúc thẩm cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Huỳnh L, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trương Huỳnh L phải chịu án phí phúc thẩm. Căn cứ theo quy định Luật người cao tuổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ông Trương Huỳnh L được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật người cao tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Huỳnh L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 176/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Bá S đối với ông Trương Huỳnh L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất:

- Buộc ông Trương Huỳnh L và bà Hà Thị C1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Đặng Bá S phần đất có diện tích 213,4m² thuộc một phần thửa 724 (vị trí cụ thể phần đất này được đánh số ký hiệu là (2), (4) thửa phân chiết 724-1), tại tờ bản đồ số 83, xã P.P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu năm 2006) theo Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2022.

Các đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Huỳnh L và bà Hà Thị C1 được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Đặng Bá S số tiền 6.125.000 (sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006372 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo vẽ, định giá là 14.999.000 (mười bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn) đồng, ông Đặng Bá S tự nguyện chịu và đã nộp xong cho các cơ quan đo vẽ, định giá.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Huỳnh L được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện C, TPHCM;
- Chi cục THADS huyện C, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Hương